TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2021/HN-ST
Ngày: 04/5/2021
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tiến Nhanh

2. Ông Phạm Ngọc Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao V1 Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/11/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST - HN ngày 23/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST - HNGĐ ngày 14/4/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ 09. ấp KQA, xã VKT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Có mặt*)

* *Bị đơn*: Anh Huỳnh Thanh V1, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp KQA, xã VKT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt lần 2 không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh V trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh V1 chung sống với nhau từ năm 2007 do được 02 bên gia đình mai mối và cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Cả hai có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định và được UBND xã VKT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại ấp KQA, xã VKT cho đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, anh V1 không lo làm ăn, mỗi lần anh V1 nhậu về là cữ cãi với chị, tính hay ghe tuông vô cớ… nhưng qua thời gian vợ chồng ly thân, chị cho anh V1 nhiều cơ hội để sửa đổi mà anh V1 vẫn không sửa đổi nên chị xét thấy tình cảm giữa vợ chồng chị không

thể hàn gắn được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh V1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh V1 có 01 con chung là cháu Huỳnh Thiện N, sinh ngày 25/01/2009. Hiện nay chung sống cùng anh V1. Khi ly hôn, chị đồng ý cho anh V1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác nhận, trong quá trình chung sống giữa chị và anh V1 không có phát sinh nên không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Thanh V1 không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa*:

- *Chị V yêu cầu:* Được ly hôn với anh V1; đồng ý giao cháu N cho anh V1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có phát sinh nên không yêu cầu giải quyết.

- *Anh V1:* Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh V1 là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị V khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh V1 đang sinh sống tại ấp KQA, xã VKT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh V1 nhưng anh V1 đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh V1

không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh V1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị V và anh V1 chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VKT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/11/2008 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị V về việc ly hôn với anh V1, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị V cho rằng giữa chị và anh V1 xảy ra mâu thuẫn do trong thời gian chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm nên anh chị đã thật sự ly thân từ năm 2019 đến nay không thể hàn gắn được. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy giữa chị V và anh V1 đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay là đúng. Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý và Tòa án đã tiến hành triệu tập anh V1 nhiều lần để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh V1 luôn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị V.

HĐXX xét thấy, từ năm 2019 đến nay là khoảng thời gian dài anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị V được ly hôn với anh V1.

[3] *Về quan hệ con chung:* Trong quá trình giải quyết chị V xác định giữa chị và anh V1 có 01 con chung là cháu Huỳnh Thiện N, sinh ngày 25/01/2009 và hiện nay đang chung sống cùng anh V1. Chị đồng ý giao cháu N cho anh V1 tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. HĐXX xét thấy, yêu cầu này của chị V là sự tự nguyện của chị không ai ép buộc và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên HĐXX ghi nhận và thống nhất giao cháu N cho anh V1 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng khi cần thiết, anh V1 có quyền yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi cháu Nhân theo quy định của pháp luật.

[4] *Tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết, chị V xác định giữa chị và anh V1 không có phát sinh tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị V phải chịu án phí hôn nhân với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn với anh Huỳnh Thanh V1.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Thiện N (*sinh ngày 25/01/2009, giới tính nam*) cho anh V1 trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hiện nay cháu N đang chung sống cùng anh V1.

Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng khi cần thiết, anh V1 có quyền yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Trường hợp, chị V lạm dụng vào việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh V1 thì V1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị V.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh V chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006117 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên chị V không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo:* Chị V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/5/2021).

Anh V1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã VKT (An Minh, Kiên Giang);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình